

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22828801] - AutoCAD (Điện)
(CCQ2205A)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 36
Số bài thi: 36
Số tờ giấy thi: 36

h
N.T. Hạnh
Nguyễn Văn Phước
h
N.T. Hạnh
Nguyễn Văn Phước

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A		<i>OK</i>	9,0	8,0	8,4
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A		<i>OK</i>	7,3	7,0	7,1
3	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		<i>Đại</i>	6,4	8,0	7,4
4	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<i>OK</i>	7,3	7,4	7,4
5	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		<i>Thi</i>	5,0	5,0	5,0
6	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2004	CCQ2205A		<i>Hi</i>	5,0	5,0	5,0
7	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		<i>Hoàng</i>	8,2	8,1	8,1
8	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C			0	0	0
9	2122050129	Tổng Quang	Huy	09/06/2002	CCQ2205D			0	0	0
10	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		<i>Khoa</i>	6,4	6,5	6,5
11	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		<i>Lưu</i>	4,5	5,8	5,3
12	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		<i>M</i>	5,0	5,0	5,0
13	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D		<i>Minh</i>	5,3	5,0	5,1
14	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		<i>nguy</i>	7,3	7,9	7,7
15	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A		<i>Nhân</i>	7,3	7,8	7,6
16	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		<i>Nhật</i>	6,4	7,9	7,3
17	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A		<i>chuc</i>	8,7	8,7	8,7
18	2122050003	Nguyễn Minh	Nhật	06/01/2004	CCQ2205A			0	0	0
19	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A			0	0	0
20	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C			0	0	0
21	2122050028	Lê Mậu Hải	Quân	09/03/2004	CCQ2205A			0	0	0
22	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		<i>G</i>	0	0	0
23	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		<i>Quốc</i>	6,4	6,7	6,6
24	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		<i>Quyền</i>	5,1	5,0	5,0
25	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		<i>Sơn</i>	5,0	5,0	5,0
26	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A		<i>Ta</i>	5,5	5,7	5,6
27	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		<i>Tân</i>	5,5	5,3	5,4
28	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		<i>Thái</i>	8,2	8,4	8,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22828801] - AutoCAD (Điện)
(CCQ2205A)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 36
Số bài thi: 36
Số tờ giấy thi: 36

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	5,5	5,0	5,8
30	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	7,3	7,8	7,6
31	2122050021	Phạm Văn Thiện	Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	5,0	5,0	5,0
32	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	5,0	5,0	5,0
33	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D		<i>(Signature)</i>	0,9	0	0,4
34	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	7,3	7,9	7,7
35	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	7,3	7,6	7,5
36	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	5,0	5,0	5,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22828802] - AutoCAD (Điện)
(CCQ2205B)

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		An	8,5	7,7	8,0
2	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B			0	0	0
3	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cuong	6,8	7,0	6,9
4	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Phạm	9,5	7,3	7,0
5	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A		Ba	8,0	8,2	8,2
6	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Duc	6,0	6,7	6,4
7	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		Hung	6,7	7,0	6,4
8	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Nhat	8,5	8,0	8,2
9	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		Hieu	8,0	7,8	7,9
10	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B		Hon	7,5	7,6	7,6
11	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B		Trong	7,3	7,4	7,4
12	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khai	6,3	6,7	6,5
13	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B			0	0	0
14	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B			8,0	4,0	5,6
15	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		Nguyen	8,5	8,0	8,2
16	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhan	6,5	7,1	6,9
17	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Hu	7,5	7,6	7,6
18	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phuc	7,6	7,8	7,7
19	2122050048	Nguyễn Duy	Phước	21/02/2004	CCQ2205B			0	0	0
20	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phu	7,8	7,5	7,6
21	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quan	7,6	7,7	7,7
22	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Thanh	8,0	7,8	7,9
23	2122050137	Trần Văn	Quốc	11/02/2004	CCQ2205B			0	0	0
24	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thanh	7,3	7,0	7,1
25	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thuy	8,5	8,0	8,2
26	2122050055	Trần Ngọc	Thông	03/07/2004	CCQ2205B			0	0	0
27	2122050064	Vạn Trung	Tín	05/10/2004	CCQ2205B			0	0	0
28	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trinh	7,0	6,5	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22828802] - AutoCAD (Điện)
(CCQ2205B)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	6,9	6,4	6,6
30	2122050114	Nguyễn Văn	Trường	08/03/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	7,7	7,3	7,5
31	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	7,0	7,3	7,2
32	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	7,4	7,2	7,3